

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số**

0400101556

ngày 26 tháng 7 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0400101556 ngày 26 tháng 7 năm 2012. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Phở
Ông Nguyễn Đức Trị
Ông Phạm Văn Tân
Ông Đào Ngọc Phương
Bà Đoàn Thị Xuân

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Phan Hữu Phú
Bà Nguyễn Thị Phương Mai
Ông Nguyễn Thanh Liêm

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban điều hành

Ông Nguyễn Đức Trị
Ông Nguyễn Văn Phước
Ông Trần Đình Thành
Ông Đinh Duy Tường
Ông Bùi Đình Thành
Ông Nguyễn Văn Hải
Bà Hoàng Thùy Oanh
Bà Trần Tường Anh
Ông Nguyễn Văn Cường

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

36 Phố Ông Ích Đường
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 4 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính chưa hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Thay mặt Ban điều hành



Đà Nẵng,

25-03-2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến 38. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban điều hành Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính riêng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban điều hành, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính chưa hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán: 12-02-212-c



Dam Xuân Lâm

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0861/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2013



Lê Việt Hùng

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0296/KTV

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		531.504.343.408	376.176.576.442
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	26.117.698.118	33.917.373.280
Tiền	111		6.216.603.898	12.517.373.280
Các khoản tương đương tiền	112		19.901.094.220	21.400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	139.761.309.101	82.893.187.814
Phải thu khách hàng	131		133.277.715.409	74.431.068.937
Trả trước cho người bán	132		3.720.748.744	3.246.171.828
Các khoản phải thu khác	135		2.762.844.948	5.215.947.049
Hàng tồn kho	140	6	339.925.384.702	233.418.039.503
Hàng tồn kho	141		340.366.184.702	233.418.039.503
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(440.800.000)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		25.699.951.487	25.947.975.845
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.489.824.365	939.521.678
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.303.309.286	9.093.105.323
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		21.637.704	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.885.180.132	15.915.348.844
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		405.388.619.153	333.401.088.399
Tài sản cố định	220		377.449.800.779	312.011.960.638
Tài sản cố định hữu hình	221	7	366.206.869.013	294.543.012.054
Nguyên giá	222		653.907.840.191	547.373.677.867
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(287.700.971.178)	(252.830.665.813)
Tài sản cố định vô hình	227	8	1.113.925.052	523.650.417
Nguyên giá	228		2.971.914.643	2.089.935.183
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.857.989.591)	(1.566.284.766)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	10.129.006.714	16.945.298.167
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	13.637.403.610	7.280.512.519
Đầu tư vào công ty con	251		8.590.900.000	5.239.100.000
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	252		4.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	258		4.405.702.000	3.805.702.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(3.359.198.390)	(1.764.289.481)
Tài sản dài hạn khác	260		14.301.414.764	14.108.615.242
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	14.301.414.764	14.108.615.242
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		936.892.962.561	709.577.664.841

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		713.009.172.802	501.893.489.263
Nợ ngắn hạn	310		549.310.553.668	340.708.169.361
Vay ngắn hạn	311	12	298.300.502.071	190.022.578.616
Phải trả người bán	312		164.530.601.580	90.549.016.922
Người mua trả tiền trước	313		11.310.284.013	8.040.685.979
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	3.852.544.696	1.449.531.731
Phải trả người lao động	315		39.601.612.424	40.058.413.678
Chi phí phải trả	316	14	9.795.918.278	2.560.901.143
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	18.859.140.137	7.095.614.017
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	16	3.059.950.469	931.427.275
Vay và nợ dài hạn	330		163.698.619.134	161.185.319.902
Vay dài hạn	334	17	163.698.619.134	157.881.360.477
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	18	-	3.303.959.425
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		223.883.789.759	207.684.175.578
Vốn chủ sở hữu	410	19	223.883.789.759	207.684.175.578
Vốn cổ phần	411	20	150.000.000.000	150.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417	22	24.304.132.742	13.230.400.003
Quỹ dự phòng tài chính	418	22	5.237.042.810	3.173.004.243
Lợi nhuận chưa phân phối	420		44.342.614.207	41.280.771.332
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		936.892.962.561	709.577.664.841

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngoại tệ	2.165.177.892	5.257.611.192

Người lập:



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

25 -03- 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu	01	23	1.953.326.923.867	1.643.474.126.490
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	1.464.907.771	7.001.006.157
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	23	1.951.862.016.096	1.636.473.120.333
Giá vốn hàng bán	11		1.778.656.600.936	1.493.279.696.580
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		173.205.415.160	143.193.423.753
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	6.623.933.426	26.924.919.547
Chi phí tài chính	22	25	29.446.946.979	46.138.311.778
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.734.019.833	20.496.053.851
Chi phí bán hàng	24		56.915.843.930	29.926.103.514
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		52.909.020.538	53.399.756.108
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		40.557.537.139	40.654.171.900
Thu nhập khác	31	26	8.382.699.350	3.453.745.214
Chi phí khác	32		1.049.043.200	1.020.060.167
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		7.333.656.150	2.433.685.047
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		47.891.193.289	43.087.856.947
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	3.548.579.082	1.807.085.615
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		44.342.614.207	41.280.771.332

Người lập:



Nguyễn Văn Cường
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Trí
 Tổng Giám đốc

25 -03- 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		47.891.193.289	43.087.856.947
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		56.938.644.359	46.848.353.264
Các khoản dự phòng	03		(1.253.814.372)	2.200.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(360.816.236)	(205.970.585)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.651.748.636)	2.251.702.963
Chi phí lãi vay	06		23.734.019.833	20.496.053.851
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		123.297.478.237	114.677.996.440
Biến động các khoản phải thu	09		(58.428.296.796)	(13.984.048.470)
Biến động hàng tồn kho	10		(110.489.864.851)	(27.114.545.712)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		104.577.174.585	(22.884.077.232)
Biến động chi phí trả trước	12		846.600.765	(1.381.244.457)
			59.803.091.940	49.314.080.569
Tiền lãi vay đã trả	13		(23.761.672.186)	(19.766.793.165)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(1.882.893.507)	(1.388.244.933)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		766.465.116	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4.034.492.722)	(3.022.203.566)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30.890.498.641	25.136.838.905
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(128.188.894.247)	(123.856.487.516)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		870.009.965	1.858.348.551
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(5.300.384.464)	(1.442.100.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.481.945.124	2.577.594.570
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(130.137.323.622)	(120.862.644.395)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	43.850.000.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.471.346.380.513	1.339.227.743.995
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.356.969.039.513)	(1.249.249.283.704)
Tiền trả cổ tức	36		(23.009.485.282)	(9.650.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		91.367.855.718	124.178.460.291
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(7.878.969.263)	28.452.654.801
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		33.917.373.280	5.519.774.518
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		79.294.101	(55.056.039)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	26.117.698.118	33.917.373.280

Người lập:



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc



25 -03- 2013

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty có 5.421 nhân viên (31/12/2011: 5.867 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ dụng cụ

Công cụ và dụng cụ được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 – 3 năm.

(ii) Chi phí sản xuất thử

Chi phí sản xuất thử được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 – 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổng Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tổng Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tổng Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(iii) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam với các điều kiện kinh tế, chính trị và các quy định như nhau.

(r) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông và các công ty con và các công ty liên kết của các cổ đông.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	57.564.000	81.775.500
Tiền gửi ngân hàng	6.159.039.898	12.435.597.780
Các khoản tương đương tiền	19.901.094.220	21.400.000.000
	26.117.698.118	33.917.373.280

5. Các khoản phải thu ngắn hạn

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các công ty liên quan sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu từ các công ty liên quan - thương mại	7.256.502.720	7.680.494.385

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 134.140 triệu VND (31/12/2011: 62.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Hàng mua đang đi trên đường	33.252.189.527	26.166.677.327
Nguyên vật liệu	118.343.451.317	53.114.252.302
Công cụ và dụng cụ	145.106.665	196.326.200
Sản phẩm dở dang	131.705.535.160	82.292.811.195
Thành phẩm	51.822.946.817	63.113.391.129
Hàng hóa	1.183.851.246	-
Hàng gửi đi bán	3.913.103.970	8.534.581.350
	340.366.184.702	233.418.039.503
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(440.800.000)	-
	339.925.384.702	233.418.039.503

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 270.140 triệu VND (31/12/2011: 138.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	-	88.913.978
Tăng dự phòng trong năm	440.800.000	-
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(88.913.978)
Số dư cuối năm	440.800.000	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	112.701.898.185	391.903.096.458	11.273.520.854	6.350.711.464	25.144.450.906	547.373.677.867
Tăng trong năm	2.292.111.817	13.647.983.646	1.069.636.364	1.214.988.130	1.975.693.547	20.200.413.504
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ đang	15.817.708.926	90.360.150.721	2.909.818.867	35.723.757	2.977.569.261	112.100.971.532
Đánh giá lại tài sản	1.514.987.236	(1.648.000.127)	-	(8.855.464)	-	(141.868.355)
Giảm do chia tách chi nhánh	(4.819.847.229)	(6.722.433.992)	(245.154.515)	(37.194.250)	-	(11.824.629.986)
Tổng Công ty tại Hội An	(463.393.754)	(12.704.554.861)	-	(535.780.756)	(96.995.000)	(13.800.724.371)
Thanh lý	(2.081.216.773)	(4.040.084.721)	5.553.939.075	732.987.419	(165.625.000)	-
Phân loại lại						
Số dư cuối năm	124.962.248.408	470.796.157.124	20.561.760.645	7.752.580.300	29.835.093.714	653.907.840.191
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	37.427.223.081	191.970.494.600	7.356.104.871	5.210.752.538	10.866.090.723	252.830.665.813
Khấu hao trong năm	6.376.666.391	43.667.990.472	2.418.070.326	810.147.924	3.345.743.681	56.618.618.794
Đánh giá lại tài sản	695.291.034	(3.444.791.619)	(29.111.437)	(25.368.763)	-	(2.803.980.785)
Giảm do chia tách chi nhánh	(2.741.434.922)	(2.690.976.511)	(110.926.834)	(16.068.956)	-	(5.559.407.223)
Tổng Công ty tại Hội An	(251.227.020)	(12.506.601.406)	-	(530.101.995)	(96.995.000)	(13.384.925.421)
Thanh lý	-	(141.293.764)	121.652.575	25.162.022	(5.520.833)	-
Phân loại lại						
Số dư cuối năm	41.506.518.564	216.854.821.772	9.755.789.501	5.474.522.770	14.109.318.571	287.700.971.178
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	75.274.675.104	199.932.601.858	3.917.415.983	1.139.958.926	14.278.360.183	294.543.012.054
Số dư cuối năm	83.455.729.844	253.941.335.352	10.805.971.144	2.278.057.530	15.725.775.143	366.206.869.013

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 122.125 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 85.591 triệu VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 310.512 triệu VND (31/12/2011: 292.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	2.089.935.183
Tăng trong năm	910.300.200
Giảm do chia tách chi nhánh Tổng Công ty tại Hội An	(28.320.740)
Số dư cuối năm	2.971.914.643
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.566.284.766
Khấu hao trong năm	320.025.565
Giảm do chia tách chi nhánh Tổng Công ty tại Hội An	(28.320.740)
Số dư cuối năm	1.857.989.591
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	523.650.417
Số dư cuối năm	1.113.925.052

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 1.287 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (31/12/2011: 915 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	16.945.298.167	7.075.340.955
Tăng trong năm	107.078.180.543	97.925.094.021
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(112.100.971.532)	(83.115.073.882)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.793.500.464)	(4.940.062.927)
Số dư cuối năm	10.129.006.714	16.945.298.167

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 5.402 triệu VND (31/12/2011: 12.247 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 816 triệu VND (2011: 468 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vốn dài hạn tại:

	31/12/2012			31/12/2011		
	Số lượng cổ phiếu	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết
						VND
▪ Công ty con						
• Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	266.790	76,88%	76,88%	266.790	76,88%	76,88%
• Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	321.400	32,14%	54%	257.120	32,14%	54%
• Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	270.900	54,18%	54,18%	-	-	-
						5.239.100.000
▪ Công ty liên kết						
• Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	400.000	20%	20%	-	-	-
▪ Công ty khác						
• Công ty Cổ phần Bông vải miền Trung	85.570	9,37%	9,37%	85.570	9,37%	9,37%
• Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	60.000	10,91%	10,91%	60.000	10,91%	10,91%
• Công ty Cổ phần Dệt may Phú Hòa An	160.000	16%	16%	160.000	16%	16%
• Công ty Thương mại Chơn	135.000	7,86%	7,86%	75.000	8,73%	8,73%
						3.805.702.000
						9.044.802.000
						(1.764.289.481)
						7.280.512.519

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	1.764.289.481	1.764.289.481
Tăng dự phòng trong năm	1.594.908.909	-
Số dư cuối năm	3.359.198.390	1.764.289.481

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ, dụng cụ VND	Chi phí sản xuất thử VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	2.578.808.871	7.594.928.262	3.934.878.109	14.108.615.242
Tăng trong năm	3.907.998.470	-	303.050.902	4.211.049.372
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.639.625.010	-	153.875.454	1.793.500.464
Giảm do chia tách chi nhánh Tổng Công ty tại Hội An	(117.636.885)	-	-	(117.636.885)
Phân bổ trong năm	(2.692.796.967)	(1.640.514.084)	(1.360.802.378)	(5.694.113.429)
Số dư cuối năm	5.315.998.499	5.954.414.178	3.031.002.087	14.301.414.764

12. Vay ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	258.560.270.876	162.594.448.003
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 17)	39.740.231.195	27.428.130.613
	298.300.502.071	190.022.578.616

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngân hàng ANZ – (a)	USD	3%	66.163.631.181	31.340.966.533
Ngân hàng HSBC – (a)	USD	3%	56.599.061.457	16.850.692.618
Ngân hàng Quốc tế - Chi nhánh Đà Nẵng - (b)	USD	3%	53.493.652.041	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng - (c)	USD	3% - 3,7%	29.532.654.416	59.857.985.557
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - (d)	USD	3%	28.349.569.989	-
Ngân hàng TMCP Công thương – (e)	USD	3,5%	13.956.454.378	795.837.880
Ngân hàng Indovina – (f)	USD	3,5%	8.303.527.502	37.541.248.438
Ngân hàng TMCP Quân đội- (g)	USD	3,3%	2.070.719.912	-
Vay từ ban liên lạc hữu trí - (d)	VND	14%	91.000.000	76.000.000
Ngân hàng ANZ - (d)	EUR	4,08% - 4,4%	-	10.335.364.140
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - (d)	USD	4,5%	-	5.796.352.837
			258.560.270.876	162.594.448.003

- (a) Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 208.000 triệu VND (31/12/2011: 57.000 triệu VND).
- (b) Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 50.000 triệu VND (31/12/2011: Không)
- (c) Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 3.805 triệu VND (31/12/2011: 4.000 triệu VND).
- (d) Khoản vay không được đảm bảo.
- (e) Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 30.000 triệu VND và khoản phải thu với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 30.000 triệu VND.
- (f) Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu lần lượt có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 30.000 triệu VND (31/12/2011: 25.000 triệu VND) và 25.000 triệu VND (31/12/2011: 25.000 triệu VND).
- (g) Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 60.000 triệu VND (31/12/2011: Không)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.729.336.587	884.317.619
Thuế xuất nhập khẩu	-	4.951.998
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.084.526.257	418.840.682
Thuế thu nhập cá nhân	38.639.852	141.421.432
Thuế tài nguyên	42.000	-
	3.852.544.696	1.449.531.731

14. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí hoạt động	7.160.886.447	702.812.474
Chi phí lãi vay	912.430.675	940.083.028
Chi phí phải trả khác	1.722.601.156	918.005.641
	9.795.918.278	2.560.901.143

15. Các khoản phải, phải nộp khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Kinh phí công đoàn	3.643.457.031	1.614.292.194
Bảo hiểm xã hội	117.916.103	1.068.044.478
Bảo hiểm y tế	964.059	13.516.598
Phải trả tiền đã nhận tạm ứng mua cổ phiếu	11.493.048.000	-
Cổ tức phải trả	-	12.485.282
Các khoản phải trả khác	3.603.754.944	4.387.275.465
	18.859.140.137	7.095.614.017

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Trong các khoản phải trả, phải nộp khác có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả công ty mẹ	11.000.000.000	1.918.278.597
Phải trả các bên liên quan khác	493.048.000	-

Khoản phải trả công ty mẹ và các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

16. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	931.427.275	474.053.063
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	5.146.000.026	2.820.042.208
Tăng khác	236.144.630	-
Sử dụng quỹ trong năm	(3.253.621.462)	(2.362.667.996)
Số dư cuối năm	3.059.950.469	931.427.275

17. Vay dài hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn	203.438.850.329	185.309.491.090
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 12)	(39.740.231.195)	(27.428.130.613)
Hoàn trả sau 12 tháng	163.698.619.134	157.881.360.477

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Khoản vay 1 (a)	VND	7,8% - 8,4%	2019	65.075.635.988	74.603.635.988
Khoản vay 2 (b)	USD	7,5%	2018	53.556.878.436	53.269.609.488
Khoản vay 3	USD	5,5% - 6,25%	2018	34.556.195.847	7.021.059.648
Khoản vay 4	USD	3%	2017	14.570.500.000	-
Khoản vay 5 (c)	USD	7,5%	2018	11.722.300.290	-
Khoản vay 6	VND	0%	2014	9.768.386.000	14.668.386.000
Khoản vay 7	VND	0%	2018	9.154.133.000	10.679.133.000
Khoản vay 8	USD	5,8%	2015	2.746.539.250	3.779.240.600
Khoản vay 9	USD	6%	2014	1.021.194.308	1.965.090.558
Khoản vay 10	USD	6,4%	2014	556.551.470	835.327.768
Khoản vay 11	USD	6%	2014	320.113.885	615.988.100
Khoản vay 12	VND	12,5%	2013	240.200.000	528.600.000
Khoản vay 13	USD	5,2%	2013	150.221.855	331.019.404
Khoản vay 14	VND	14% - 21%	2014	-	5.027.879.017
Khoản vay 15	VND	5,4%	2016	-	3.069.888.213
Khoản vay 16	VND	7,5% - 8%	2012	-	2.498.516.466
Khoản vay 17	USD	13%	2014	-	1.722.000.000
Khoản vay 18	VND	14% - 18%	2015	-	1.630.000.000
Khoản vay 19	USD	7,5% - 8%	2013	-	1.567.931.840
Khoản vay 20	VND	18,5% - 19,5%	2012	-	1.496.185.000
				203.438.850.329	185.309.491.090

- (a) Khoản vay này bao gồm nhiều lần rút vốn và được bảo đảm bằng tài sản cố định có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 130.399 triệu VND (31/12/2011: 135.501 triệu VND).
- (b) Khoản vay này bao gồm nhiều lần rút vốn và được bảo đảm bằng tài sản cố định có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 104.075 triệu VND (31/12/2011: 77.393 triệu VND).
- (c) Khoản vay này bao gồm nhiều lần rút vốn và được bảo đảm bằng tài sản cố định có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 21.606 triệu VND.

Các khoản vay dài hạn còn lại được đảm bảo bằng một số tài sản cố định có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 25.627 triệu VND (31/12/2011: 51.012 triệu VND) và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị 5.402 triệu VND (31/12/2011: 12.247 triệu VND).

18. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	3.303.959.425	1.763.494.995
Nhận hỗ trợ kinh phí từ Công ty TNHH Một thành viên Tập đoàn Dệt may Việt Nam	766.465.116	2.200.000.000
Dự phòng sử dụng trong năm	(780.901.260)	(659.535.570)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.289.523.281)	-
Số dư cuối năm	-	3.303.959.425

Tổng Công ty đã chuyển số dư quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sang tài khoản thu nhập khác theo quy định của Thông tư 180/2012/TT-BTC ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	96.500.000.000	2.677.312.247	3.887.770.046	1.411.810.971	33.223.865.437	137.700.758.701
Phát hành cổ phiếu	43.850.000.000	-	-	-	-	43.850.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	41.280.771.332	41.280.771.332
Phân bổ vào các quỹ	-	-	9.342.629.957	1.761.193.272	(11.103.823.229)	-
Cổ tức	9.650.000.000	-	-	-	(19.300.000.000)	(9.650.000.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	(2.677.312.247)	-	-	-	(2.677.312.247)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(2.820.042.208)	(2.820.042.208)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	150.000.000.000	-	13.230.400.003	3.173.004.243	41.280.771.332	207.684.175.578
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	44.342.614.207	44.342.614.207
Phân bổ vào các quỹ	-	-	11.073.732.739	2.064.038.567	(13.137.771.306)	-
Cổ tức (thuyết minh số 21)	-	-	-	-	(22.997.000.000)	(22.997.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(5.146.000.026)	(5.146.000.026)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	150.000.000.000	-	24.304.132.742	5.237.042.810	44.342.614.207	223.883.789.759

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.000.000	150.000.000.000	15.000.000	150.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000	15.000.000	150.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000	15.000.000	150.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2012		2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	15.000.000	150.000.000.000	9.650.000	96.500.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	5.350.000	53.500.000.000
Số dư cuối năm	15.000.000	150.000.000.000	15.000.000	150.000.000.000

21. Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty vào ngày 5 tháng 5 năm 2012 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 22.997 triệu VND (20% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011).

22. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

(b) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

23. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm

	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu	1.953.326.923.867	1.643.474.126.490
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(144.635.854)	(56.022.768)
▪ Hàng bán bị trả lại	(1.320.271.917)	(6.944.983.389)
Doanh thu thuần	1.951.862.016.096	1.636.473.120.333

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi	406.385.124	1.851.794.570
Cổ tức được chia	2.075.560.000	725.800.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.606.520.240	24.104.863.119
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	491.920.820	206.892.531
Chiết khấu thanh toán	43.547.242	35.569.327
	6.623.933.426	26.924.919.547

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

25. Chi phí tài chính

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay	23.734.019.833	20.496.053.851
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.986.913.653	25.641.335.981
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	131.104.584	921.946
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	1.594.908.909	-
	29.446.946.979	46.138.311.778

26. Thu nhập khác

	2012 VND	2011 VND
Tiền thu do thanh lý tài sản	870.009.965	1.858.348.551
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	3.289.523.281	-
Đánh giá lại tài sản	2.791.152.497	150.000.000
Các khoản mục khác	1.432.013.607	1.445.396.663
	8.382.699.350	3.453.745.214

27. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	3.377.772.988	1.807.085.615
Dự phòng thiếu trong những năm trước	170.806.094	-
	3.548.579.082	1.807.085.615

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	47.891.193.289	43.087.856.947
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	4.789.119.329	4.308.785.695
Ưu đãi thuế	(2.030.832.828)	(2.167.368.056)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	1.149.373.170	173.956.785
Chi phí không được khấu trừ thuế	272.874.235	144.661.305
Thu nhập không bị tính thuế	(207.556.000)	(72.580.000)
Giảm thuế (*)	(609.249.848)	(650.210.417)
Chênh lệch tạm thời không ghi nhận	14.044.930	69.840.303
Dự phòng thiếu trong những năm trước	170.806.094	-
	3.548.579.082	1.807.085.615

(*) Theo Thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính, các hoạt động của Công ty thỏa mãn quy định về doanh nghiệp dệt may sử dụng nhiều lao động, do đó, Công ty được giảm 30% chi phí thuế thu nhập từ hoạt động dệt may cho năm 2012.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm 2007 và 25% cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 – 2019). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%.

28. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tổng Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tổng Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tổng Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng quản trị của Tổng Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban điều hành giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tổng Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tổng Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban điều hành có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tổng Công ty. Ban điều hành có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tổng Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	26.060.134.118	33.835.597.780
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	136.040.560.357	79.647.015.986
		162.100.694.475	113.482.613.766

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng Công ty.

(ii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tổng Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban điều hành của Tổng Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tổng Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban điều hành. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tổng Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tổng Công ty. Ban điều hành tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	20.082.671.891	2.378.607.911
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	5.006.558.473	2.210.416.536
Quá hạn trên 180 ngày	-	1.693.398.207
	25.089.230.364	6.282.422.654

Không có khoản phải thu nào bị giảm giá trọng yếu tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012 (31/12/2011: Không).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tổng Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tổng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán có định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

31/12/2012	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	188.691.684.060	188.691.684.060	188.691.684.060	-	-	-
Vay ngắn hạn	258.560.270.876	259.972.547.466	259.972.547.466	-	-	-
Vay dài hạn	203.438.850.329	224.938.796.113	52.701.206.249	43.874.170.478	100.777.694.566	27.585.724.820
	650.690.805.265	673.603.027.639	501.365.437.775	43.874.170.478	100.777.694.566	27.585.724.820
31/12/2011	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	96.569.595.784	96.569.595.784	96.569.595.784	-	-	-
Các khoản vay ngắn hạn	162.594.448.003	163.345.905.280	163.345.905.280	-	-	-
Các khoản vay dài hạn	185.309.491.090	235.343.959.776	41.262.741.371	44.566.914.308	99.017.054.361	50.497.249.736
	444.473.534.877	495.259.460.840	301.178.242.435	44.566.914.308	99.017.054.361	50.497.249.736

Tổng Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD và EUR.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.535	371	251.927	383
Phải thu khách hàng	5.482.384	-	57.653	-
Tài sản ngắn hạn khác	43.961	3.893	679.954	-
Phải trả người bán	(5.340.116)	(13.520)	(2.982.022)	-
Vay ngắn hạn	(12.417.452)	-	(7.306.659)	(378.460)
Vay dài hạn	(5.726.663)	-	(3.451.305)	-
	(17.854.351)	(9.256)	(12.750.452)	(378.077)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tổng Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
1 USD	20.815	20.828
1 EUR	27.423	27.044

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tổng Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lãi thuần VND
31/12/2012	
USD (mạnh thêm 3%)	(10.591.692.008)
EUR (mạnh thêm 5%)	(12.056.796)
31/12/2011	
USD (mạnh thêm 8%)	(20.183.047.483)
EUR (mạnh thêm 5%)	(485.673.933)

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lãi thuần của Tổng Công ty.

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, 99.632 triệu VND (31/12/2011: 80.130 triệu VND) vay dài hạn của Tổng Công ty chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Vay ngắn hạn	229.027.616.460	104.067.424.712
Vay dài hạn	103.807.018.494	105.179.643.201
	332.834.634.954	209.247.067.913
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Vay ngắn hạn	29.532.654.416	58.527.023.291
Vay dài hạn	99.631.831.835	80.129.847.889
	129.164.486.251	138.656.871.180

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 1.227 triệu VND (2011: 1.317 triệu VND) lợi nhuận thuần của Tổng Công ty. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	26.117.698.118	26.117.698.118	33.917.373.280	33.917.373.280
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	136.040.370.411	136.040.370.411	79.647.015.986	79.647.015.986
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(188.435.918.406)	(188.435.918.406)	(96.569.595.784)	(96.569.595.784)
- Vay ngắn hạn	(258.560.270.876)	(258.560.270.876)	(162.594.448.003)	(162.594.448.003)
- Vay dài hạn	(203.438.850.329)	(*)	(185.309.491.090)	(*)
	(488.276.971.082)	(*)	(330.909.145.611)	(*)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

(*) Liên quan đến giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý để thuyết minh thông tin theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này, và (ii) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

29. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang	816.315.821	-
Góp vốn vào công ty con thông qua việc bù trừ công nợ	2.709.000.000	-
Giảm khoản phải thu do chia tách một đơn vị phụ thuộc	241.734.932	-
Giảm hàng tồn kho do chia tách một đơn vị phụ thuộc	3.541.719.652	-
Giảm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác do chia tách một đơn vị phụ thuộc	6.579.618.498	-
Giảm khoản phải trả người bán do chia tách một đơn vị phụ thuộc	(7.935.188.413)	-
Giảm khoản phải trả thuế, phải trả người lao động, và các khoản phải trả khác do chia tách một đơn vị phụ thuộc	(2.485.469.133)	-

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2012 VND	2011 VND
Công ty TNHH MTV Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Vốn góp	-	44.414.590.000
Trả các khoản vay trong năm	-	15.000.000.000
Lãi vay trong năm	-	1.470.849.314
Cổ tức công bố	16.469.657.237	12.602.046.000
Nhận tạm ứng mua cổ phiếu	11.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ		
Bán hàng hóa	2.643.134.657	2.622.465.026
Mua hàng hóa	1.309.490.719	1.467.662.493
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam		
Mua hàng hóa	95.921.939.429	79.732.797.824
Cổ tức nhận được	1.735.560.000	-
Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Hội An		
Mua hàng hóa	30.091.149.988	-
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành		
Lương	3.669.606.546	3.058.715.933
Thưởng	314.000.000	284.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

31. Cam kết

Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	84.750.000.000	57.522.942.036
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	5.800.000.000	9.063.616.620
	90.550.000.000	66.586.558.656

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.292.223.640.923	1.055.052.559.947
Chi phí nhân công	266.597.707.290	253.276.097.550
Chi phí khấu hao	56.938.644.359	46.848.353.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	281.247.962.141	240.700.573.779

Người lập:



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

25 -03- 2013